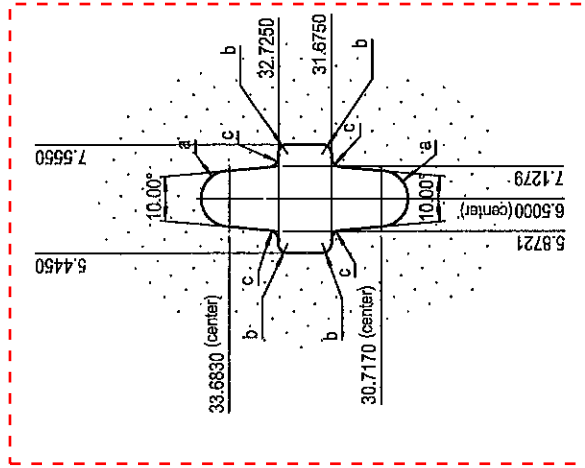
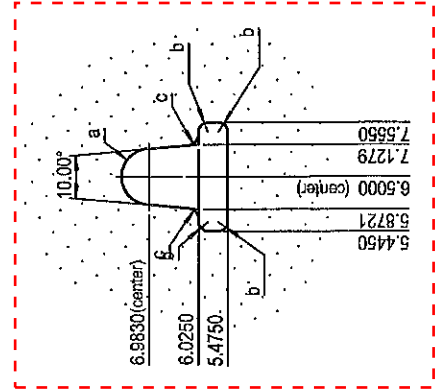
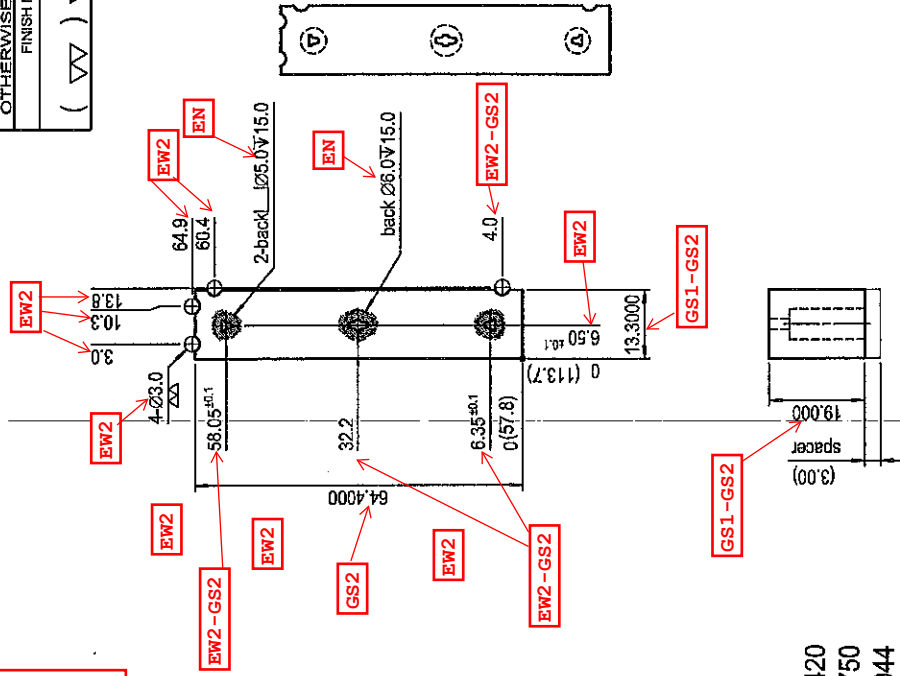

EW2 OK biên dạng
GS2 cạnh lại tọa độ

EW1: ra phối:T14*20.6*65
GS1:
-19.000=>lướt sáng
-13.300=>13.06
-64.400=>64.46

- a) R0.5420
b) R0.1750
c) R0.1944
d) R0.2250



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)
切刃ニゲ勾配ダイ上面より6°とする(KC-050)

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(D30Hf)		部品図 PART DRAWING	トリミングダイ TRIMMING DIE
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図	外形冲切下模 外形冲切下模
Chen_jing_Fu		1:1	部品圖	外形冲切下模 外形冲切下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Chen_jing_Fu	HRC ~	A3	2019/11/15	R341028

SNO: **R341028**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T14*21*65	EW1:75 GS1:60 ED:75 EW2:180 GS2:200 EN:600 KT